



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC
LOẠI C NĂM 2022

Phụ lục 02

KẾT QUẢ KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC LOẠI C VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ KHU VỰC NAM TRUNG BỘ NĂM 2022

(Đính kèm Quyết định số 2066/QĐ-NHNN ngày 9 / 12 / 2022 của Ngân hàng Nhà nước)

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Điểm ưu tiên	Điểm phòng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
NHNN CHI NHÁNH TỈNH LÂM ĐỒNG (01 chỉ tiêu)											
1	NV1490	Nguyễn Thị Thu	Hiền		15-01-1987	Lâm Đồng			70	70	Trúng tuyển
2	NV1492	Nguyễn Thị Kim	Ngân		02-07-1993	Lâm Đồng			67	67	
3	NV1491	Trần Quốc	Khánh	12-7-1993		Lâm Đồng			64	64	
4	NV1489	Bùi Thị Quỳnh	Anh		12-08-1991	Lâm Đồng		5	58	63	
5	NV1493	Nguyễn Ngọc	Quỳnh		07-01-1991	Lâm Đồng			55	55	
NHNN CHI NHÁNH TỈNH NINH THUẬN (02 chỉ tiêu)											
1	NV1338	Trần Thị Kim	Phụng		06-07-1989	Ninh Thuận			75	75	Trúng tuyển
2	NV1330	Nguyễn Bảo	Chân		13-03-2000	Ninh Thuận			72	72	Trúng tuyển
3	NV1339	Châu Thị Huỳnh	Phương		23-10-1999	Ninh Thuận			70	70	
4	NV1332	Mai Chánh	Đạt	07-11-1998		Ninh Thuận			67	67	
5	NV1331	Trịnh Ngô Thùy	Dương		09-04-1996	Ninh Thuận			60	60	
NHNN CHI NHÁNH TỈNH GIA LAI (02 chỉ tiêu)											
1	NV1477	Nguyễn Thị Thảo	Trang		20-10-1988	Gia Lai	Ths		76	76	Trúng tuyển
2	NV1474	Nguyễn Bá	Thạch	25-03-1999		Gia Lai			73	73	Trúng tuyển
3	NV1471	Nguyễn Cao	Nguyên	25-02-1993		Gia Lai			69	69	
4	NV1476	Phạm Thị Thanh	Thủy		14-11-1984	Gia Lai			68	68	
5	NV1481	Hoàng Anh	Vũ	11-04-1992		Gia Lai	Ths		66	66	
6	NV1482	Phạm Nguyễn Hoài	Vy		04-03-1995	Gia Lai			65	65	
7	NV1472	Nguyễn Tấn	Pháp	18-12-1995		Gia Lai			61	61	
8	NV1470	Nguyễn Thanh	Hà	25-09-1989		Gia Lai			60	60	
NHNN CHI NHÁNH TỈNH QUẢNG NGÃI (07 chỉ tiêu)											
1	NV1449	Lê Thị Thủy	Tiên		13/03/1992	Quảng Ngãi	Ths		78	78	Trúng tuyển
2	NV1402	Nguyễn Thị Mỹ	Khanh		25-12-1991	Quảng Ngãi			77	77	Trúng tuyển

07

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
3	NV1420	Trần Thị Thanh Nga		06-6-1991	Quảng Ngãi			76	76	Trúng tuyển
4	NV1391	Lê Xuân Dương	10-01-1989		Quảng Ngãi	Ths		75	75	Trúng tuyển
5	NV1409	Trần Thị Tuyết Liễu		22-10-1995	Quảng Ngãi			73	73	Trúng tuyển
6	NV1453	Phạm Thị Trang		21-8-1991	Quảng Ngãi			73	73	Trúng tuyển
7	NV1378	Lê Huỳnh Thị Huyền Chi		19-02-1992	Quảng Ngãi			72	72	Trúng tuyển
8	NV1454	Trần Thị Trang		24-6-1990	Quảng Ngãi		5	66	71	
9	NV1380	Dương Thị Kim Chi		04-7-1992	Quảng Ngãi			70	70	
10	NV1460	Ngô Thị Tường Vi		25-03-1999	Quảng Ngãi			69	69	
11	NV1382	Nguyễn Quốc Chính	20-12-1994		Quảng Ngãi	Ths		68	68	
12	NV1389	Phan Thùy Dung		02-01-1991	Quảng Ngãi			67	67	
13	NV1374	Nguyễn Tuấn Anh	12-02-1989		Quảng Ngãi	Ths		65	65	
14	NV1442	Lê Hoàng Phương Thảo		15-10-1993	Quảng Ngãi			65	65	
15	NV1427	Nguyễn Hữu Quỳnh Như		08-12-1990	Quảng Ngãi	Ths		64	64	
16	NV1385	Trần Thị Hồng Diễm		30-7-1995	Quảng Ngãi			63	63	
17	NV1398	Võ Thị Ánh Hoa		12 - 12 - 1988	Quảng Ngãi			63	63	
18	NV1423	Lê Hoàng Như Nguyễn		01-01-1988	Quảng Ngãi	Ths		63	63	
19	NV1466	Trương Thị Minh Ý		21-9-1994	Quảng Ngãi			63	63	
20	NV1445	Lê Trần Hoài Thương		17-9-1990	Quảng Ngãi	Ths		62	62	
21	NV1413	Huỳnh Thị Thanh Lộc		16-02-1994	Quảng Ngãi	Ths		61	61	
22	NV1440	Nguyễn Thị Anh Thao		30-4-1993	Quảng Ngãi			61	61	
23	NV1448	Lê Thị Như Thùy		10-01-1989	Quảng Ngãi			61	61	
24	NV1465	Nguyễn Thị Tường Vy		17-6-1995	Quảng Ngãi			61	61	
25	NV1411	Mai Thị Kiều Loan		30-10-1993	Quảng Ngãi			60	60	
26	NV1429	Lê Thị Cẩm Nhung		01-01-1991	Quảng Ngãi			60	60	
27	NV1459	Phan Thị Thanh Vi		05-7-1988	Quảng Ngãi			60	60	
28	NV1437	Phạm Thị Như Quyên		25-5-1990	Quảng Ngãi			59	59	
29	NV1452	Hồ Thị Huyền Trang		30-08-1994	Quảng Ngãi			59	59	
30	NV1372	Trịnh Thị Thúy An		01-01-1991	Quảng Ngãi	Ths		58	58	
31	NV1432	Lê Nguyễn Ngọc Phi		01-11-1989	Quảng Ngãi	Ths		58	58	

07

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Điểm ưu tiên	Điểm phòng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
32	NV1464	Phạm Thị Hà Vy		27-10-2000	Quảng Ngãi			58	58	
33	NV1404	Phạm Thị Hoàng Kim		10-7-1993	Quảng Ngãi			57	57	
34	NV1417	Nguyễn Thanh Mai		11-09-1991	Quảng Ngãi	Ths	5	52	57	
35	NV1434	Trần Thị Phụng		20-9-1993	Quảng Ngãi			57	57	
36	NV1455	Trần Thị Diễm Trang		01-12-1991	Quảng Ngãi			57	57	
37	NV1441	Đỗ Thị Phương Thảo		02-06-1990	Quảng Ngãi			56	56	
38	NV1375	Nguyễn Đình Bách	07-6-1998		Quảng Ngãi			55	55	
39	NV1419	Nguyễn Thị Như My		10-6-1991	Quảng Ngãi	Ths		55	55	
40	NV1431	Trần Thị Diệu Nương		10-02-1983	Quảng Ngãi			55	55	
41	NV1396	Nguyễn Thị Phương Hiền		01-11-1992	Quảng Ngãi			54	54	
42	NV1406	Phạm Thị Thúy Lệ		21-3-1996	Quảng Ngãi			53	53	
43	NV1439	Nguyễn Minh Thành	30-12-1992		Quảng Ngãi			53	53	
44	NV1456	Hà Nguyễn Minh Tuấn	22-6-2000		Quảng Ngãi			53	53	
45	NV1388	Võ Thị Mộng Điệp		20-4-1988	Quảng Ngãi	Ths		52	52	
46	NV1400	Trần Thị Kiều Hoanh		30-01-1999	Quảng Ngãi			52	52	
47	NV1394	Đinh Thị Đức Hạnh		26-7-1991	Quảng Ngãi			51	51	
48	NV1397	Nguyễn Thị Hiếu		02-12-1991	Quảng Ngãi			51	51	
49	NV1407	Trần Thị Thúy Liễu		19/3/1992	Quảng Ngãi			50	50	
50	NV1416	Bùi Thị Khánh Ly		11-4-1996	Quảng Ngãi			50	50	
NHNN CHI NHÁNH TỈNH KON TUM (01 chỉ tiêu)										
1	NV1486	Trần Thị Hương Hồng		20-08-1989	KonTum	Ths		79	79	Trúng tuyển
2	NV1484	Nguyễn Đình Dũng	09-05-1997		KonTum			75	75	
3	NV1483	Nguyễn Thị Ngọc Anh		07-05-1990	KonTum			70	70	
4	NV1488	Nguyễn Tú Trinh		18-12-1997	KonTum			67	67	
5	NV1485	Thân Thị Hậu		25-08-1992	KonTum	Ths		64	64	
6	NV1487	Bùi Thị Hữu Hương		25-12-1992	KonTum			55	55	
NHNN CHI NHÁNH TỈNH BÌNH ĐỊNH (03 chỉ tiêu)										
1	NV1311	Đặng Huy Khôi	09-11-1991		Bình Định			80	80	Trúng tuyển
2	NV1322	Nguyễn Vũ Hoàng Linh		26-01-2000	Bình Định			77	77	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
3	NV1320	Nguyễn Ngọc Bảo	12-6-1994		Bình Định	Ths		75	75	Trúng tuyển
4	NV1321	Đặng Thu Hiền		02-10-1990	Bình Định	Ths		72	72	
5	NV1307	Trần Thị Hoàng Dung		20-9-1994	Bình Định	Ths		71	71	
6	NV1308	Đặng Thị Thu Hiền		19-4-1993	Bình Định			70	70	
7	NV1327	Lê Thị Diệu Thoa		12-8-1993	Bình Định	Ths		70	70	
8	NV1313	Nguyễn Thị Kim Nguyệt		17-6-1995	Bình Định	Ths		69	69	
9	NV1326	Trương Nguyễn Nhật Quỳnh		28-10-1997	Bình Định			69	69	
10	NV1315	Nguyễn Thị Kim Thi		20-10-1992	Bình Định	Ths		68	68	
11	NV1325	Huỳnh Thị Kim Nhiên		29-10-1987	Bình Định	Ths		68	68	
12	NV1328	Nguyễn Thị Thùy Trang		15-8-1991	Bình Định			68	68	
13	NV1309	Nguyễn Hữu Huy	21-02-1997		Bình Định			66	66	
14	NV1312	Phạm Thị Nở		20-10-1993	Bình Định			65	65	
15	NV1303	Trần Thị Hoàng Anh		21-3-1985	Bình Định	Ths	5	58	63	
16	NV1306	Nguyễn Hoàng Duyên		01-7-1994	Bình Định			60	60	
17	NV1310	Cao Thị Thúy Hằng		25-5-1998	Bình Định			58	58	
18	NV1304	Nguyễn Thị Hồng Cẩm		01-8-1990	Bình Định			57	57	
19	NV1305	Nguyễn Đình Can	22-9-2000		Bình Định			57	57	
20	NV1316	Phạm Huyền Trang		21-3-1996	Bình Định			55	55	
21	NV1318	Hồ Nguyễn Sĩ Văn	01-01-2000		Bình Định			54	54	
22	NV1324	Đỗ Nhật Nam	07-8-1993		Bình Định					Vắng
HNHN CHI NHÁNH TỈNH ĐẮK LẮK (02 chỉ tiêu)										
1	NV1500	Đặng Hữu Hiếu	26-09-1993		Đắk Lắk			76	76	Trúng tuyển
2	NV1496	Nguyễn Hoàng Anh		26-03-1996	Đắk Lắk			75	75	Trúng tuyển
3	NV1505	Đoàn Thị Hồng Nhung		22-09-1994	Đắk Lắk			73	73	
4	NV1502	Đỗ Thị Mai Lan		13-09-1996	Đắk Lắk		5	57	62	
5	NV1508	Nguyễn Thị Phương Thủy		12-04-1993	Đắk Lắk			61	61	



07

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Điểm ưu tiên	Điểm phòng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
6	NV1512	Vương Thị	Thảo		06-02-1998	Đắk Lắk			59	59	
7	NV1503	Cao Thế Thủy	Linh		06-04-1994	Đắk Lắk		5	53	58	
8	NV1499	Lê Thị Thu	Hằng		01-08-1991	Đắk Lắk			57	57	
9	NV1510	Hoàng Thị Quỳnh	Mai		02-07-1991	Đắk Lắk			57	57	
10	NV1504	Trần Thị	Loan		20-01-1992	Đắk Lắk			56	56	
11	NV1501	Thái Thị Phi	Hiếu		18-05-1985	Đắk Lắk			55	55	
NHNN CHI NHÁNH TỈNH PHÚ YÊN (02 chỉ tiêu)											
1	NV1358	Hoàng Quốc	Khánh	15-04-1996		Phú Yên	Ths		80	80	Trúng tuyển
2	NV1348	Nguyễn Thị Phương	Duy		06-03-1992	Phú Yên	Ths		77	77	Trúng tuyển
3	NV1364	Đặng Lưu Bích	Phương		01-08-1990	Phú Yên	Ths		66	66	
4	NV1362	Nguyễn Thị Trúc	Ly		26-03-1998	Phú Yên			65	65	
5	NV1365	Nguyễn Anh	Quý	10-11-1999		Phú Yên			65	65	
6	NV1360	Huỳnh Thị Thúy	Kiều		16-09-1992	Phú Yên	Ths	5	59	64	
7	NV1359	Trần Việt	Khoa	06-04-1992		Phú Yên	Ths		63	63	
8	NV1363	Nguyễn Thị Kiều	Nhi		15-11-1992	Phú Yên			63	63	
9	NV1356	Cao Lê Minh	Hưng	01-01-2000		Phú Yên			62	62	
10	NV1357	Nguyễn Thị Mỹ	Hương		19-07-1991	Phú Yên			61	61	
11	NV1347	Võ Dương Thùy	Dung		04-08-2000	Phú Yên			60	60	
12	NV1350	Trần Hương	Giang		25-04-1989	Phú Yên			59	59	
13	NV1352	Trương Trọng	Hậu	08-10-1990		Phú Yên			55	55	
14	NV1346	Đinh Thị Xuân	Diệu		01-06-1993	Phú Yên					Vắng

**KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**



Đào Minh Tú